

Số: *17* /NQ-HĐND

Mường Tè, ngày *16* tháng *12* năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước  
năm 2023 do cấp huyện quản lý**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ  
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ BẢY**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công, ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND, ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu: Số 13/2022/NQ-HĐND, ngày 28/6/2022 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; số 14/2022/NQ-HĐND, ngày 28/6/2022 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; số 16/2022/NQ-HĐND, ngày 28/6/2022 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc*

thiếu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND, ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND, ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè: Số 61/NQ-HĐND, ngày 21/10/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện; số 16/NQ-HĐND, ngày 16/12/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu: Số 1636/QĐ-UBND, ngày 12/12/2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương năm 2023; Quyết định số 1638/QĐ-UBND, ngày 12/12/2022 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023;

Sau khi xem xét Báo cáo số 2391/BC-UBND, ngày 30/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022; dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023; Tờ trình số 2399/TTr-UBND, ngày 30/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè; Báo cáo thẩm tra số 194/BC-HĐND, ngày 12/12/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 do cấp huyện quản lý, như sau:

**1. Tổng kế hoạch vốn: 184.327 triệu đồng**, bao gồm:

- Nguồn ngân sách địa phương: 46.688 triệu đồng.
- Nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 137.639 triệu đồng.

**2. Nguyên tắc phân bổ**

**2.1. Nguyên tắc chung**

- Việc phân bổ vốn phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương, của tỉnh và nhất là vốn ngân sách địa phương phải tuân thủ Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND, ngày 13/12/2020 của

Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia phải tuân thủ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 13/2022/NQ-HĐND, ngày 28/6/2022 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; số 14/2022/NQ-HĐND, ngày 28/6/2022 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; số 16/2022/NQ-HĐND, ngày 28/6/2022 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2022 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trừ đi số vốn kế hoạch năm 2021 đã giải ngân và kế hoạch đã bố trí năm 2022 và tương ứng với từng nguồn vốn của dự án; Mức vốn bố trí cho từng dự án phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2023 để bảo đảm giải ngân tối đa số vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2023.

- Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật.

## ***2.2. Nguyên tắc riêng phân bổ trên địa bàn huyện***

Ngoài các nguyên tắc ở trên, riêng nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện, phải thực hiện theo các nguyên tắc ưu tiên:

- Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cấp huyện phải phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX; tuân thủ các Nghị quyết: Số 61/NQ-HĐND, ngày 21/10/2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện; số 16/NQ-HĐND, ngày 16/12/2022 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện;

- Theo khả năng cân đối nguồn vốn, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án quyết toán, dự án hoàn thành và chuyển tiếp còn nhu cầu vốn.

- Vốn thu sử dụng đất: Thực hiện theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025. Sử dụng 80% trong 100% số tiền thu từ sử dụng đất (trừ số trích nộp 20% về Quỹ phát triển đất tỉnh theo quy định) thực hiện các nhiệm vụ: Chi đầu tư hạ tầng các khu, điểm quy hoạch bán đấu giá quyền sử dụng đất và chi đầu tư chương trình xây dựng nông thôn mới.

### **3. Phương án phân bổ**

#### **3.1. Nguồn ngân sách địa phương: 46.688 triệu đồng, trong đó:**

a) *Vốn chi xây dựng cơ bản tập trung: 33.888 triệu đồng, gồm:*

- Vốn cân đối ngân sách huyện: 27.272 triệu đồng.

+ Bố trí cho các dự án sau quyết toán: 1.188,309 triệu đồng, cho 04 dự án.

+ Các dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2021: 370,822 triệu đồng, cho 03 dự án.

+ Các dự án hoàn thành bàn giao trước 31/12/2022: 5.432,578 triệu đồng, cho 08 dự án

+ Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023: 8.550,291 triệu đồng, cho 03 dự án.

+ Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023: 11.730 triệu đồng, cho 03 dự án.

- Vốn thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án trọng điểm: 6.616 triệu đồng.

+ Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: 3.644 triệu đồng, cho 01 dự án.

+ Đề án phát triển rừng bền vững, giai đoạn 2021-2025, định hướng năm 2030: 2.972 triệu đồng, cho 02 dự án.

b) *Nguồn thu sử dụng đất: 12.800 triệu đồng.*

- Bố trí đầu tư hạ tầng các khu, điểm quy hoạch bán đấu giá quyền sử dụng đất: 10.543 triệu đồng, cho 01 dự án.

- Bố trí chi đầu tư chương trình xây dựng nông thôn mới: 2.257 triệu đồng, cho 02 dự án.

**3.2. Nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 137.639 triệu đồng**

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 2.433 triệu đồng, thực hiện trả cho 01 dự án chuyển tiếp từ năm 2022 sang và dự kiến khởi công mới 03 dự án năm 2023.

b) Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 43.931 triệu đồng, thực hiện trả cho 22 dự án chuyển tiếp từ năm 2022 sang và dự kiến khởi công mới 01 dự án năm 2023;

c) Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 91.275 triệu đồng, thực hiện trả cho 47 dự án chuyển tiếp từ năm 2022 sang và dự kiến khởi công mới 17 dự án năm 2023.

*(Chi tiết có các Phụ lục 1,2,3 kèm theo)*

#### **4. Các giải pháp chủ yếu nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công năm 2023**

(1) Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, hướng dẫn của Trung ương, chỉ đạo tỉnh về đầu tư xây dựng cơ bản.

(2) Xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm năm 2023 của các cấp ủy Đảng, Chính quyền và đơn vị, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, tiếp tục huy động sự vào cuộc cả hệ thống chính trị để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về các thủ tục đầu tư, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2023.

(3) Chỉ đạo các Chủ đầu tư đơn đốc các nhà thầu tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án; tập trung nghiêm thu khối lượng và thanh toán giải ngân vốn đầu tư, thu hồi vốn tạm ứng; xây dựng kế hoạch giải ngân từng tháng cho từng dự án theo biểu đồ tiến độ, yêu cầu các nhà thầu cam kết thực hiện; thường xuyên tổ chức đánh giá tình hình triển khai thực hiện từng công trình, từng dự án, bao gồm tiến độ thi công, năng lực nhà thầu, khối lượng nghiệm thu so với kế hoạch vốn đã được giao,... báo cáo cấp có thẩm quyền kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc. Có kế hoạch và giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời chấn chỉnh các nhà thầu vi phạm tiến độ xây dựng, không đáp ứng được chất lượng công trình, các cá nhân cố tình cản trở, gây khó khăn làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án.

(4) Thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu đảm bảo quy định của Luật Đấu thầu; triển khai quyết liệt việc thực hiện đấu thầu qua mạng. Tăng cường các biện pháp nâng cao tỷ lệ tiết kiệm trong đấu thầu trên tất cả các hình thức lựa chọn nhà thầu.

(5) Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp thu ngân sách, nhất là các dự án tạo quỹ đất để tăng nguồn thu sử dụng đất.

(6) Thực hiện các thủ tục rút vốn, thanh toán vốn đầu tư công, quyết toán dự án hoàn thành trong thời gian sớm nhất, tăng cường công tác hậu kiểm, đảm bảo giải ngân vốn đầu tư công hiệu quả, đúng quy định.

(7) Tăng cường nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra; công khai kết quả thanh tra, kiểm tra; xử lý những vi phạm được phát hiện; thực hiện công khai, minh bạch các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Tăng cường kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ trong đầu tư, nội dung đầu tư, hiệu quả đầu tư để tránh thất thoát, lãng phí.

(8) Tiếp tục phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của từng Chương trình mục tiêu quốc gia. Cùng cố, phát huy hiệu quả hoạt động của các Tổ chuyên môn giúp huyện, xã trong triển khai thực hiện 03 chương trình MTQG.

## **Điều 2.** Hội đồng nhân dân huyện giao.

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện. Chỉ đạo các phòng, ban của huyện; UBND các xã, thị trấn chủ động tổ chức thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng vốn đầu tư công năm 2023.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 3.** Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè khóa XXI, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở: KH&ĐT, Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQ VN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND; UBND các xã, thị trấn;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT.

(B/c)



**Vàng Văn Thắng**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NSNN  
NĂM 2023 - HUYỆN MUỜNG TÈ**

(Kèm theo Nghị quyết số 5/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2022 của  
Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>184.327</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách địa phương</b>	<b>46.688</b>	
1	Xây dựng cơ bản tập trung	33.888	
1.1	Cân đối ngân sách huyện	27.272	
1.2	Các nhiệm vụ, chương trình, đề án trọng điểm	6.616	
2	Vốn thu sử dụng đất	12.800	
<b>II</b>	<b>Nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình MTQG</b>	<b>137.639</b>	
1	Chương trình MTQG xây dựng NTM	2.433	
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	43.931	
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	91.275	

*Chánh*

**BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 HUYỆN MƯỜNG TÈ**

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8=9+10+11</b>	<b>10</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>14</b>
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>142.847</b>	<b>141.111</b>	<b>46.688,00</b>		
<b>I</b>	<b>Chi xây dựng cơ bản tập trung</b>					<b>108.517</b>	<b>108.517</b>	<b>33.888,00</b>		
<b>I.1</b>	<b>Cân đối ngân sách huyện</b>					<b>94.717</b>	<b>94.717</b>	<b>27.272,000</b>		
<b>a</b>	<b>Bố trí cho các dự án sau quyết toán</b>							<b>1.188,309</b>		
1	Trường THCS xã Vàng San	Xã Vàng San	08 P.học	2014	1113-21/10/2013	14.000	14.000	473,984	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Đường Pắc Ma - U Ma Tu Khòong (đoạn Pắc Ma - Thu Lũm ), huyện Mường Tè.	Xã Thu Lũm	35 km	09-11	359-01/04/2009	211.656		146,080	nt	
3	Đường giao thông tuyến Pa Ủ - Hà Si	xã Pa Ủ			1944-06/11/2008	68.046		444,000	nt	
4	Hạng mục phụ trợ bán trú trường THCS xã Mù Cá	xã Mù Cá			155-21/01/2019	900		124,245	nt	
<b>b</b>	<b>Dự án hoàn thành bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2021</b>					<b>20.747</b>	<b>20.747</b>	<b>370,822</b>		
1	Mặt bằng hạ tầng kỹ thuật điểm ĐCDC Là Si, xã Tá Bạ	Xã Tá Bạ		19-20	2048-31/10/2018	6.997	6.997	168,698	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Xây dựng phòng họp Huyện ủy, huyện Mường Tè	Thị trấn		20-21	2824-18/10/2019	6.800	6.800	153,124	nt	
3	Sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pa Thoóng trên với bản Đầu Nậm Xá	Xã Bum Tở	2,5 Km, rãnh thoát nước	19-20	2946a-31/10/2019	6.950	6.950	49,000	nt	
<b>c</b>	<b>Dự án hoàn thành bàn giao trước 31/12/2022</b>					<b>31.350</b>	<b>31.350</b>	<b>5.432,578</b>		
1	Xây dựng bổ sung trường PTDTBT TH, THCS xã Can Hồ	Xã Can Hồ	08 PLH, phụ trợ khác	21-22	3557-31/12/2020	6.000	6.000	1.057,495	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Nhà hiệu bộ, phòng học chức năng trường THCS Thu Lũm	Xã Thu Lũm	Nhà cấp III, 3 tầng; phụ trợ	21-22	3559-31/12/2020	6.500	6.500	1.296,989	nt	
3	Phòng học chức năng trường TH, THCS Bum Nưa	Xã Bum Nưa	Cấp III, 2 tầng; phụ trợ	21-22	3558-31/12/2020	4.200	4.200	832,319	nt	
4	Sửa chữa nhà lớp học, nhà bán trú và các HMPT trường THCS xã Mù Cá	Xã Mù Cá		21-22	3561-31/12/2020	2.050	2.050	380,000	Phòng GD&ĐT huyện	
5	Kè chống sạt bảo vệ trường TH, THCS, xã Tá Bạ	Xã Tá Bạ	Kè BT	21-22	3491-29/12/2020	2.100	2.100	312,550	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	

*Chánh*





TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSDP năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
6	Thủy lợi Nhù Cư Ló Cá, xã Thu Lũm	Xã Thu Lũm	18 ha, 1 vụ	21-22	3552-31/12/2020	3.500	3.500	570,828	nt	
7	Thủy lợi Phu Khả Ló Cá, xã Thu Lũm	Xã Thu Lũm	16 ha	21-22	3554-31/12/2020	3.600	3.600	643,563	nt	
8	Nâng cấp thủy lợi Nậm Dính, xã Tà Tổng	Xã Tà Tổng	12 ha	21-22	3553-31/12/2020	3.400	3.400	338,834	nt	
<b>d</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</b>									
1	Trường mầm non xã Ka Lãng, huyện Mường Tê (Hạng mục phụ trợ)	Xã Ka Lãng	MB, HM phụ trợ	22-23	2225-15/12/2021	2.500	2.500	1.350,291	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Phòng họp trực tuyến Huyện ủy, huyện Mường Tê (GDII)	Thị trấn	Phụ trợ + thiết bị	22-23	2224-15/12/2021	6.950	6.950	3.900,000	nt	
3	Nhà đa năng trường THCS thị trấn, huyện Mường Tê	Thị trấn	Cấp III, 01 tầng, phụ trợ	22-23	2223-15/12/2021	6.000	6.000	3.300,000	nt	
<b>e</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>									
1	Hạ tầng đô thị, điện chiếu sáng thị trấn Mường Tê, huyện Mường Tê	Thị trấn	Chỉnh trang, bổ sung, nâng cấp	22-24	2207-10/12/2021	20.000	20.000	9.000,00	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	San gạt mặt bằng, cấp nước sinh hoạt điểm sắp xếp dân cư Nậm Suông, xã Vàng San, huyện Mường Tê	Vàng San	MB, NSH cho 78 hộ	22-24	2110-07/10/2022	5.000	5.000	1.600,00	nt	
3	Nâng cấp bổ sung, các hạng mục phụ trợ trường MN Pa Ủ (trung tâm và các điểm bản)	Pa Ủ	Phụ trợ	22-24	2004-22/9/2022	1.800	1.800	900,00	nt	
4	Bổ sung HMPT điểm trường bản Nả Phầy, trường PTDT bán trú Tiểu học, Trung học cơ sở xã Vàng San, huyện Mường Tê	Vàng San	Phụ trợ	22-24	2028-22/9/2022	370	370	230,00	nt	
<b>1.2</b>	<b>Các nhiệm vụ, chương trình, đề án trọng điểm</b>									
<b>a</b>	<b>Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung</b>						<b>7.600</b>	<b>7.600</b>	<b>3.644,00</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi xã Bum Nưa, Vàng San	Xã Bum Nưa + Vàng San	Nâng cấp, sửa chữa	22-24	1685-05/08/2022	7.600	7.600	3.644,00	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
<b>b</b>	<b>Đề án phát triển rừng bền vững, giai đoạn 2021-2025, định hướng năm 2030</b>						<b>6.200</b>	<b>6.200</b>	<b>2.972,00</b>	
1	Đường giao thông các xã Bum Tờ, Can hồ, huyện Mường Tê (Vùng Quê đã trồng, nhân dân trồng)	Xã Bum Tờ	GTNT C	22-24	1693-08/08/2022	4.650	4.650	2.229,00	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Đường giao thông các xã Bum Tờ, Can Hồ, huyện Mường Tê (Vùng Quê trồng mới, nhân dân trồng)	Xã Bum Tờ	GTNT C	22-24	1694-08/08/2022	1.550	1.550	743,00	nt	
<b>II</b>	<b>Vốn thu sử dụng đất</b>						<b>34.330</b>	<b>32.594</b>	<b>12.800,00</b>	
<b>II.1</b>	<b>Chi đầu tư hạ tầng các khu, điểm quy hoạch bán đấu giá quyền SDD</b>						<b>28.000</b>	<b>28.000</b>	<b>10.543,00</b>	
	<b>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</b>						<b>28.000</b>	<b>28.000</b>	<b>10.543,00</b>	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang đô thị, thị trấn Mường Tê, huyện Mường Tê	Thị trấn	San nền, GT, cấp TN, điện	21-23	628-02/4/2021	28.000	28.000	10.543,00	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
<b>II.2</b>	<b>Chi đầu tư chương trình xây dựng NTM</b>						<b>6.330</b>	<b>4.594</b>	<b>2.257,00</b>	

*Chánh*



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSDP năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: NSDP
<i>a</i>	<i>Dự án đã quyết toán</i>					<i>830,000</i>	<i>830,000</i>	<i>57,00</i>		
1	Đường vào cầu Văng Thắm bán Nậm Cùm, xã Mương Tè	Xã Mương Tè			289-24/10/2019	830,000	830,000	57,00	Phòng KT&HT huyện	
<i>b</i>	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>					<i>5.500</i>	<i>3.764</i>	<i>2.200,00</i>		
1	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã Can Hồ	Xã Can Hồ	0,26 ha	22-24	1993-19/9/2022	3.000	2.264	1.400,00	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất Nậm Lọ xã Can Hồ	Xã Can Hồ	2,8 km	22-24	277-29/9/2022	2.500	1.500	800,00	UBND xã Can Hồ	

*Châu*

**BIỂU PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
NĂM 2023 HUYỆN MƯỜNG TÈ**

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Mường Tè)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	4	5	6	7	8=9+10+11	9	12	13	14
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>457.297</b>	<b>447.142</b>	<b>137.639</b>		
<b>A</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>					<b>7.590</b>	<b>7.340</b>	<b>2.433</b>		
<b>a</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>					<b>2.800</b>	<b>2.800</b>	<b>511</b>		
1	Đường giao thông trục bản, nội bản, rãnh thoát nước môi trường các bản xã Thu Lũm	Xã Thu Lũm	2,64km đường; rãnh thoát nước	22-23	157-29/9/2022	2.800	2.800	511	UBND xã Thu Lũm	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2023</b>					<b>4.790</b>	<b>4.540</b>	<b>1.922</b>		
1	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa các bản xã Thu Lũm	Thu Lũm	Nhà văn hóa các bản 600m2	23-25	180B-25/11/2022	670	620	300	UBND xã Thu Lũm	
2	Sửa chữa trụ sở làm việc, nhà văn hóa trung tâm xã Bum Nưa	Bum Nưa	Sửa chữa, nâng cấp	23-25	2623-28/11/2022	2.500	2.400	811	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
3	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản xã Mường Tè	Mường Tè	2,3km	23-25	341-29/11/2022	1.620	1.520	811	UBND xã Mường Tè	
<b>B</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG</b>					<b>195.447</b>	<b>190.447</b>	<b>43.931</b>		
	<b>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo</b>					<b>195.447</b>	<b>190.447</b>	<b>43.931</b>		
<b>a</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>					<b>194.447</b>	<b>189.447</b>	<b>43.731</b>		
1	Nâng cấp đường giao thông Lò Mé, Lè Giảng, Lá Pê 1,2; trung tâm xã Tá Bạ	Tá Bạ	18 km	22-24	1717-12/8/2022	20.000	20.000	4.000	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Cấp điện nông thôn đến các bản Các xã Tá Tổng ( A Mé); Pa Vệ Sừ (Chà Gá, Sín Chải C); Mù Cà (Mồ Su); Tá Pạ (Lá Si; Vạ Pù)	Tá Tổng, Pa Vệ Sừ, Mù Cà, Tá Bạ	343 hộ	22-24	1684-05/8/2022	35.000	35.000	6.251	nt	
3	Đường giao thông liên vùng từ bản Mo Chí - bản Cờ Lò, xã Pa Ủ - bản Nậm Phìn, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè.	Pa Ủ, Nậm Khao	Tổng chiều dài 16km (mở mới 11km, nâng cấp 5km)	22-24	1718-12/8/2022	35.000	35.000	8.000	nt	
4	Kiên cố thủy lợi Na Cai Bằng bản Giảng, xã Mường Tè	xã Mường Tè	15,3 ha	22-24	1666-05/8/2022	4.556	4.556	1.300	nt	
5	Thủy lợi Lọng Co Cu + Huôi Y Lin xã Mường Tè	xã Mường Tè	20 ha	22-24	1678-05/8/2022	4.000	4.000	1.200	nt	
6	Thủy lợi Cư Phu Á Te bản Thu Lũm I xã Thu lũm	Thu Lũm	18 ha	22-24	1671-05/8/2022	5.400	5.400	1.600	nt	
7	Kiên cố thủy lợi Nà Cầu, xã Mường Tè	xã Mường Tè	58ha	22-24	1673-05/8/2022	5.000	5.000	1.500	nt	

*Chức vụ*



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
8	Nhà lớp học bộ môn trường THCS xã M'Nong Tê, huyện M'Nong Tê	xã M'Nong Tê	Nhà cấp III, 02 tầng và các hạng mục phụ trợ	22-24	1686-05/8/2022	4.500	4.500	1.350	nt	
9	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia bản (A Chê, Suối Voi, Nậm Phìn, Cờ Lò) thuộc các xã, huyện M'Nong Tê	Thu Lùm, Can Hồ, Pa Ủ	290 hộ	22-24	1683-05/8/2022	24.841	24.841	5.000	nt	
10	Thủy lợi Xé Giá bản Pa Thắng	Thu Lùm	15 ha	22-24	1670-05/8/2022	4.000	4.000	1.200	nt	
11	Nâng cấp thủy lợi Na Mứn bản Nậm Cùm xã M'Nong Tê	xã M'Nong Tê	Nâng cấp, bổ sung	22-24	1672-05/8/2022	1.500	1.500	800	nt	
12	Trường PTDT bán trú THCS Thu Lùm	xã Thu Lùm	12 P bán trú	22-24	2026-22/9/2022	6.000	5.500	1.800	nt	LG NSDP
13	Trường PTDT bán trú Tiểu học Thu Lùm	xã Thu Lùm	05 P học, 04 P CVGV, các HMPT	22-24	2025-22/9/2022	4.000	3.500	1.200	nt	LG NSDP
14	Nâng cấp hệ thống phòng học + phụ trợ các Trường mầm non trên địa bàn các xã M'Nong Tê, Bum Nưa, Thu Lùm, huyện M'Nong Tê	H. M'Nong Tê	Sửa chữa, nâng cấp, bổ sung các HMPT	22-24	2045-28/9/2022	7.000	6.000	2.100	nt	LG NSDP
15	Bổ sung các phòng học mầm non trên địa bàn huyện M'Nong Tê	H. M'Nong Tê	07 Phòng lớp học + phụ trợ	22-24	2036-26/9/2022	6.000	5.000	1.800	nt	LG NSDP
16	Nâng cấp hệ thống phòng học và phụ trợ các trường Tiểu học trên địa bàn các xã M'Nong Tê, Bum Nưa, Thu Lùm, huyện M'Nong Tê	H. M'Nong Tê	Nâng cấp, bổ sung phòng học và các HMPT	22-24	2037-26/9/2022	7.000	5.000	1.500	nt	LG NSDP
17	Hệ thống đường giao thông nội đồng các bản xã Bum Nưa, huyện M'Nong Tê	xã Bum Nưa	2,07km	22-24	126a-26/9/2022	3.150	3.150	400	UBND xã Bum Nưa	
18	Xây dựng sân thể thao xã Bum Nưa	Xã Bum Nưa	Đường; 0,9ha MB; thoát nước; đường chạy	22-24	126-26/9/2022	2.000	2.000	400	nt	
19	Nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã M'Nong Tê	xã M'Nong Tê	515 hộ; các công trình công cộng	22-24	256-28/9/2022	4.000	4.000	580	UBND xã M'Nong Tê	
20	Hệ thống đường giao thông ra khu sản xuất bản Nậm Hần, Nậm Cùm xã M'Nong Tê	xã M'Nong Tê	Mở mới 1,1 km; nâng cấp 7,6km	22-24	255-28/9/2022	5.000	5.000	500	nt	
21	Hệ thống đường giao thông nội đồng các bản xã Thu Lùm, huyện M'Nong Tê	Xã Thu Lùm	3 km	22-24	155-29/9/2022	4.500	4.500	650	UBND xã Thu Lùm	
22	Xây dựng sân thể thao xã Thu Lùm	Xã Thu Lùm	Xây dựng bổ sung các HM	22-24	153-26/9/2022	2.000	2.000	600	nt	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2023</b>					<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>200</b>		
1	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa bản Thu Lùm 1 xã Thu Lùm	Xã Thu Lùm	Nâng cấp, bổ sung các HMPT	23-24	180C-25/11/2022	1.000	1.000	200	UBND xã Thu Lùm	
<b>C</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ</b>					<b>254.260</b>	<b>249.355</b>	<b>91.275</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>					<b>10.784</b>	<b>10.784</b>	<b>5.020</b>		
<b>a</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>					<b>5.811</b>	<b>5.811</b>	<b>1.280</b>		
1	Nước sinh hoạt bản Huổi Hần, xã Bum Tô, huyện M'Nong Tê	Bum Tô	157 hộ	22-24	1680-05/8/2022	2.905	2.905	600	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	

*Esther*



TT	Danh mục dự án	Điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
2	Nâng cấp, sửa chữa NSH các bản Nậm Cầu, Tả Phìn, xã Bum Tờ, huyện Mường Tè	Bum Tờ	213 hộ	22-24	1681-05/8/2022	2.906	2.906	680	nt	
<b>b</b>	<b>Dự kiến khởi công mới năm 2023</b>					<b>4.973</b>	<b>4.973</b>	<b>3.740</b>		
1	Nước sinh hoạt bản A Chè, xã Thu Lùm, huyện Mường Tè	Thu Lùm	20 hộ	23-24	2621-28/11/2022	2.000	2.000	1.800	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Nước sinh hoạt bản A Mé, U Na xã Tả Tổng, huyện Mường Tè	Tả Tổng	109 hộ	23-25	2622-28/11/2022	2.973	2.973	1.940	nt	
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>					<b>25.400</b>	<b>25.400</b>	<b>4.688</b>		
	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>					<i>25.400</i>	<i>25.400</i>	<i>4.688</i>		
1	Sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới bản A Chè, xã Thu Lùm, huyện Mường Tè	Thu Lùm	20 hộ	22-24	1696-08/8/2022	5.900	5.900	1.000	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai bản Chà Di, xã Bum Tờ huyện Mường Tè	Bum Tờ	78 hộ	22-24	1716-12/8/2022	19.500	19.500	3.688	nt	
<b>III</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>					-	-	<b>2.429</b>		
	<i>Tiểu dự án 2:</i>					-	-	<i>2.429</i>		
	<i>Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết</i>							<i>2.429</i>		PB chi tiết sau
<b>IV</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>					<b>146.180</b>	<b>141.840</b>	<b>47.860</b>		
<b>a</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>					<b>70.540</b>	<b>66.200</b>	<b>22.577</b>		
1	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ các bản Còong Khà, Lô Na, Gò Khà, U Ma xã Thu Lùm	Thu Lùm	62 ha	22-24	1677-05/8/2022	5.500	5.500	1.800	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Mù Cà	Mù Cà	55 ha	22-24	1676-05/8/2022	5.100	5.100	1.650	nt	
3	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Pa Ủ	Pa Ủ	22 ha	22-24	1674-05/8/2022	5.800	5.800	1.800	nt	
4	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Pa Vệ Sủ	Pa Vệ Sủ	78,2 ha	22-24	1679-05/8/2022	6.800	6.800	2.200	nt	
5	Đường giao thông đến bản A Mé	Thu Lùm		22-24	1697-08/8/2022	5.300	5.300	2.700	nt	
6	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Bum Tờ	Bum Tờ	35 ha	22-24	1675-05/8/2022	5.200	5.200	1.600	nt	
7	Đường đến điểm DCDC Suối Voi	Cạn Hồ		22-24	1695-08/8/2022	8.340	4.000	697	nt	
8	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, xã Vàng San	Vàng San	32 ha	22-24	1669-05/8/2022	6.100	6.100	1.900	nt	
9	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản xã Thu Lùm	Xã Thu Lùm		2022-2023	156-29/9/2022	2.400	2.400	650	UBND xã Thu Lùm	

*Handwritten signature or mark in blue ink.*



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
10	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản xã Ka Lãng	Xã Ka Lãng		2022-2023	109-28/9/2022	2.000	2.000	600	UBND xã Ka Lãng	
11	Đường giao thông nội bản các bản ( Ló Mé, Lê Giảng, Vạ Pù, Nhóm Phố) xã Tá Bạ	Xã Tá Bạ		2022-2023	311-26/9/2022	1.300	1.300	450	UBND xã Tá Bạ	
12	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản xã Mù Cà	Xã Mù Cà		2022-2024	299-28/9/2022	4.300	4.300	1.900	UBND xã Mù Cà	
13	Đường giao thông nội bản các bản ( Xả Hồ, Pha Bu, Cờ Lò) xã Pa Ủ	Xã Pa Ủ		2022-2024	201-29/9/2022	1.100	1.100	450	UBND xã Pa Ủ	
14	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản (Dền Thàng, Khoang Thèn, Sín Chải A+C) xã Pa Vệ Sủ	Xã Pa Vệ Sủ		2022-2024	329-26/9/2022	2.800	2.800	1.200	UBND xã Pa Vệ Sủ	
15	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất xã Nậm Khao	Xã Nậm Khao		2022-2024	321-28/9/2022	3.600	3.600	1.400	UBND xã Nậm Khao	
16	Đường vào khu sản xuất diêm dân cư Suối Voi	Xã Can Hồ		2022-2024	286-29/9/2022	2.400	2.400	780	UBND xã Can Hồ	
17	Đường giao thông nội bản các bản (Vàng San, Pắc Pa, Sang Sui) xã Vàng San	Xã Vàng San		2022-2024	266-28/9/2022	1.000	1.000	350	UBND xã Vàng San	
18	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt Khu phố 11, Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	Thị trấn Mường Tè		2022-2024	98-29/9/2022	1.500	1.500	450	UBND Thị Trấn	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2023</b>					<b>75.640</b>	<b>75.640</b>	<b>25.283</b>		
1	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất các bản (Xã Hồ, Ú Ma) xã Pa Ủ	Pa Ủ	1,96km	23-24	242-26/11/2022	2.000	2.000	1.100	UBND xã Pa Ủ	
2	Đường giao thông nội bản các bản ( Phìn Khò, Tả Phìn, Dấu Nậm Xá, Huổi Han) xã Bum Tờ	Bum Tờ	3,0 km	23-24	572a-28/11/2022	2.000	2.000	1.100	UBND xã Bum Tờ	
3	Chợ xã Ka Lãng	Ka Lãng	1,0 ha	23-25	2629-30/11/2022	3.000	3.000	1.583	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
4	Cứng hóa đường từ các bản Sín Chải A + B, Chà Gá đến trung tâm xã Pa Vệ Sủ	Pa Vệ Sủ	17,6km	23-25	2616-28/11/2022	26.330	26.330	8.000	nt	
5	Cứng hóa đường từ các bản Xả Hồ, Pa Ủ, Hà Xi đến trung tâm xã Pa Ủ	Pa Ủ	9,4km	23-25	2617-28/11/2022	14.000	14.000	5.000	nt	
6	Cứng hóa đường giao thông Km 13 - bản Pa Thằng - TT xã Thu Lùm	Thu Lùm	19km	23-25	2618-28/11/2022	28.310	28.310	8.500	nt	
<b>V</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>					<b>12.352</b>	<b>12.352</b>	<b>4.882</b>		
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường PTDT có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số									
<b>a</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>					<b>5.923</b>	<b>5.923</b>	<b>1.782</b>		
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH& THCS Bum Tờ	Bum Tờ		22-24	1690-05/8/2022	2.763	2.763	850	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	

*Chang*



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTW năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
2	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Tà Tổng	Tà Tổng		22-24	1661-05/8/2022	3.160	3.160	932	nt	
<b>b</b>	<b>Các dự án dự kiến KCM năm 2023</b>					<b>6.429</b>	<b>6.429</b>	<b>3.100</b>		
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Nậm Khao	Nậm Khao	Nhà bếp, nhà ăn; 01 NVS, NS; 01 Công trình phụ trợ khác	23-25	2624-28/11/2022	2.276	2.276	1.100	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện	
2	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Pa Vệ Sù	Pa Vệ Sù	12 P. hs; 01 NVS, NS+PT	23-25	2627-30/11/2022	4.153	4.153	2.000	nt	
<b>VI</b>	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>					<b>5.980</b>	<b>5.415</b>	<b>3.844</b>		
<b>a</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>					<b>4.180</b>	<b>3.705</b>	<b>838</b>		
1	Nhà văn hóa bán Vạn Pù xã Tá Bạ	xã Tá Bạ	81m2	22-23	313-26/9/2022	330	285	35	UBND xã Tá Bạ	
2	Nhà văn hóa bán Nhóm Pô xã Tá Bạ	xã Tá Bạ	81m2	22-23	314-26/9/2022	330	285	35	nt	
3	Nhà văn hóa bán Là Si xã Tá Bạ	xã Tá Bạ	81m2	22-23	315-26/9/2022	330	285	85	nt	
4	Nhà văn hóa bán Pá Khà xã Tà Tổng	xã Tà Tổng	81m2	22-23	429-30/9/2022	300	285	85	UBND xã Tà Tổng	
5	Nhà văn hóa bán Nậm Dính xã Tà Tổng	xã Tà Tổng	81m2	22-23	431-30/9/2022	300	285	85	nt	
6	Nhà văn hóa bán Nhú Ma xã Pa Ủ	xã Pa Ủ	81m2	22-23	198-20/9/2022	330	285	35	UBND xã Pa Ủ	
7	Nhà văn hóa bán Hà Xi xã Pa Ủ	xã Pa Ủ	81m2	22-23	199-21/9/2022	330	285	35	nt	
8	Nhà văn hóa bán Chà Kề xã Pa Ủ	xã Pa Ủ	81m2	22-23	199a-27/9/2022	330	285	85	nt	
9	Nhà văn hóa bán Khoang Thèn xã Pa Vệ Sù	xã Pa Vệ Sù	81m2	22-23	338-27/9/2022	300	285	35	UBND xã Pa Vệ Sù	
10	Nhà văn hóa bán Pá Hạ xã Pa Vệ Sù	xã Pa Vệ Sù	81m2	22-23	340-27/9/2022	300	285	35	nt	
11	Nhà văn hóa bán Xá Phìn xã Pa Vệ Sù	xã Pa Vệ Sù	81m2	22-23	339-27/9/2022	300	285	85	nt	
12	Nhà văn hóa bán Mù Cà xã Mù Cà	xã Mù Cà	120m2	22-23	300a-28/9/2022	400	285	128	UBND xã Mù Cà	
13	Nhà văn hóa bán Si Thầu Chải xã Can Hồ	xã Can Hồ	81m2	22-23	287-29/9/2022	300	285	75	UBND xã Can Hồ	
<b>b</b>	<b>Các dự án dự kiến KCM năm 2023</b>					<b>1.800</b>	<b>1.710</b>	<b>1.500</b>		
1	Nhà văn hóa A Chè, xã Thu Lùm	Thu Lùm	81m2	23-24	180D-25/11/2022	300	285	250	UBND xã Thu Lùm	
2	Nhà văn hóa bán Phìn Khò, xã Bum Tờ	Bum Tờ	81m2	23-24	572b-28/11/2022	300	285	250	UBND xã Bum Tờ	
3	Nhà văn hóa Bán Xá Hồ, xã Pa Ủ	Pa Ủ	81m2	23-24	250A-28/11/2022	300	285	250	UBND xã Pa Ủ	
4	Nhà văn hóa Bán Pha Bu, xã Pa Ủ	Pa Ủ	81m2	23-24	250B-28/11/2022	300	285	250	nt	
5	Nhà văn hóa Bán Sín Chải B, xã Pa Vệ Sù	Pa Vệ Sù	81m2	23-24	439a/26/11/2022	300	285	250	UBND xã Pa Vệ Sù	
6	Nhà văn hóa Bán Sín Chải A, xã Pa Vệ Sù	Pa Vệ Sù	81m2	23-24	439b/26/11/2022	300	285	250	nt	
<b>c</b>	<b>Chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết</b>							<b>1.506</b>		PB chi tiết sau

*Châu*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTW năm 2023	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
<b>VII</b>	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>					<b>53.564</b>	<b>53.564</b>	<b>22.552</b>	
	Tiêu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù								
<b>a</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>					<b>47.004</b>	<b>47.004</b>	<b>19.552</b>	
1	Nâng cấp đường giao thông đến bản A Mại xã Pa Vệ Sủ	Pa Vệ Sủ		22-24	1695-05/8/2022	2.700	2.700	1.100	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện
2	Sửa chữa thủy lợi Huổi Ngô, xã Can Hồ	Can Hồ	20 ha	22-24	1668-05/8/2022	1.600	1.600	600	nt
3	Sửa chữa thủy lợi Huổi Côm, xã Can Hồ	Can Hồ	20 ha	22-24	1667-05/8/2022	1.600	1.600	600	nt
4	Kè bảo vệ khu dân cư bản Nậm Cùm	Bum Nưa	L = 341,64 m	22-24	1665-05/8/2022	13.500	13.500	6.000	nt
5	Kè bảo vệ mặt bằng cho khu dân cư, trường học bản Lắng Phiếu	Nậm Khao		22-24	1689-05/8/2022	3.000	3.000	1.100	nt
6	Đầu tư cơ sở hạ tầng bản Nậm Xuông, xã Vàng San, huyện Mường Tè	Xã Vàng San	Đường GT; điện; nhà lớp học	22-24	2077a-30/9/2022	19.542	19.542	8.000	nt
7	Sửa chữa, nâng cấp TL Pu Khen I Bản Nậm Sê	Xã Vàng San	07 ha	22-24	262b-26/9/2022	960	960	400	UBND xã Vàng San
8	Sửa chữa, nâng cấp TL Nậm Khum bản Nậm Xuông	Xã Vàng San	3,5Ha	22-24	265-28/9/2022	702	702	300	nt
9	Thủy lợi Ty Tổng I bản A Mại	xã Pa Vệ Sủ	06 ha	22-24	328-27/9/2022	1.120	1.120	500	UBND xã Pa Vệ Sủ
10	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nội bản Seo Hai + Sì thâu Chải xã Can Hồ	Xã Can Hồ	1,51km	22-24	278-29/9/2022	2.280	2.280	952	UBND xã Can Hồ
<b>b</b>	<b>Các dự án dự kiến KCM năm 2023</b>					<b>6.560</b>	<b>6.560</b>	<b>3.000</b>	
1	Phòng công vụ giáo viên, bán trú học sinh trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khao (điểm bản Lắng Phiếu)	Nậm Khao	10 phòng	23-24	2631-30/11/2022	6.560	6.560	3.000	Ban QLCT DA PT KT-XH huyện

*Chánh*